

UBND PHƯỜNG HẢI CHÂU
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ SÀO NAM

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm: 2025

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ SÀO NAM

2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử)

Địa chỉ: 52 Lê Hồng Phong, Phường Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

Điện thoại: 02363.897.808

Email: thcssaonam@danang.gov.vn

Website: <https://saonamdn.edu.vn/>

3. Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp hoặc chủ sở hữu; tên nhà đầu tư thành lập cơ sở giáo dục, thuộc quốc gia/ vùng lãnh thổ (đối với cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài); danh sách tổ chức và cá nhân góp vốn đầu tư (nếu có)

Loại hình: Công lập

Cơ quan/tổ chức quản lý trực tiếp: Ủy ban nhân dân phường Hải Châu

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục

Trải qua quá trình xây dựng và phát triển, nhà trường đã từng bước lớn mạnh cả về số lượng và chất lượng. Những năm gần đây, được sự chỉ đạo, quan tâm đầu tư của Ủy ban nhân dân quận Hải Châu, Phòng GD&ĐT quận Hải Châu, Đảng ủy, UBND phường Phước Ninh (cũ) sự phối hợp chặt chẽ và ủng hộ nhiệt tình của các ban ngành đoàn thể, Ban đại diện cha mẹ học sinh, với quyết tâm cao thầy và trò trường THCS Sào Nam đã vượt qua khó khăn, hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao. Quy mô trường lớp được giữ vững, chất lượng giáo dục của nhà trường ngày càng được nâng cao. Nhà trường luôn đi đúng đường lối lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, từng bước nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, xây dựng môi trường sư phạm lành mạnh, thân thiện. Cơ sở vật chất của nhà trường tương đối khang trang; đầy đủ phòng học; phòng bộ môn cơ bản đủ, có trang thiết bị đạt chuẩn; khu sân chơi, khu luyện tập TDTT

cơ bản phục vụ cho các hoạt động giáo dục của nhà trường theo quy định, đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay. Tổng quan nhà trường được bố trí, quy hoạch một cách khoa học, ngoài khu phục vụ học tập, nhà trường còn chú trọng sửa sang và tu bổ khuôn viên, tôn tạo cảnh quan đạt chuẩn Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn.

Trường luôn đạt danh hiệu: “Tập thể lao động tiên tiến” và có năm đạt bằng khen của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Năm 2015 nhà trường được Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng công nhận trường học đạt chuẩn Quốc gia mức độ 3; Năm 2024 nhà trường được Sở GD&ĐT thành phố Đà Nẵng cấp giấy chứng nhận KĐCLGD cấp độ 1 theo Quyết định số 227/QĐ-SGDĐT ngày 08/3/2024, nhà trường được UBND quận Hải Châu tặng Giấy khen và nhiều hình thức khen thưởng khác.

Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn đến năm 2030 được xây dựng trên cơ sở kế thừa và phát huy kết quả nhà trường đã đạt được trong giai đoạn 2015-2020. Từ đó, xác định rõ định hướng, mục tiêu chiến lược và các giải pháp chủ yếu trong quá trình vận động và phát triển, là cơ sở quan trọng cho các quyết sách của Hội đồng trường và hoạt động của Ban giám hiệu cũng như toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh nhà trường. Xây dựng và thực hiện hiệu quả kế hoạch chiến lược nhà trường giai đoạn 2020-2025 và tầm nhìn đến năm 2030 sẽ góp phần quan trọng trong việc thực hiện thắng lợi mục tiêu giáo dục nhà trường nói riêng, mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội địa phương nói chung.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục

Trường THCS Sào Nam được thành lập từ năm 1996, được tách ra từ Trường Trung học cơ sở-Tiểu học Tây Hồ, tại địa chỉ 52 Lê Hồng Phong, phường Phước Ninh, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Trước đây diện tích đất của nhà trường 1101m², đến năm học 2013 - 2014 nhờ sự quan tâm của Phòng GD&ĐT, Đảng chính quyền địa phương và Thành phố diện tích nhà trường đã được mở rộng 2167,5 m² theo Quyết định số 6709/QĐ-UBND ngày 16 tháng 11 năm 2015 của Ủy ban nhân dân quận Hải Châu. Năm học 2025-2026, trường có 17 lớp với 42 cán bộ, giáo viên, nhân viên và 597 học sinh.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử

Họ và tên: Trần Thị Thùy Trang

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ làm việc: 52 Lê Hồng Phong, Phường Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

Điện thoại: 0236 3897808

Email: thcssaonam@danang.gov.vn

7. Tổ chức bộ máy

a) Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục (nếu có)

Trường Trung học cơ sở Sào Nam được thành lập năm 1997 theo Quyết định số 20/TCCB ngày 20/01/1997 của Sở GDĐT thành phố Đà Nẵng về việc thành lập Trường Trung học cơ sở Sào Nam; tổ chức lại theo Quyết định số 6709/QĐ-UBND ngày 16/11/2015 của Ủy ban nhân dân quận Hải Châu về việc tổ chức lại trường THCS Sào Nam thuộc UBND quận Hải Châu và Quyết định số 50/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân phường Hải Châu về việc thành lập Trường Trung học cơ sở Sào Nam thuộc Ủy ban nhân dân phường Hải Châu.

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường:

+ Chủ tịch Hội đồng: Trần Thị Thùy Trang - Hiệu trưởng

+ Các thành viên:

- Phạm Phú An Nhân, Phó Hiệu trưởng,
- Nguyễn Thị Linh, Thư kí Hội đồng trường,
- Nguyễn Văn Đức, Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh,
- Trần Thị Thu Hà, Phó Bí thư Chi bộ,
- Hồ Thị Thuận, Tổ trưởng chuyên môn,
- Nguyễn Thị Thanh Triều, Tổ trưởng chuyên môn ,
- Đỗ Thị Hạnh, Tổ trưởng chuyên môn,
- Nguyễn Thị Hàng Ni, Tổ trưởng chuyên môn,
- Lê Thị Khánh Quỳnh, Tổ trưởng chuyên môn,
- Huỳnh Thị Ngọc Hà, Tổ trưởng tổ văn phòng,

- Nguyễn Thành Nhân, Tổ phó tổ KHTN.

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục;

- Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng: Quyết định số 204/QĐ-UBND ngày 07/7/2025 về việc bổ nhiệm viên chức quản lý

- Quyết định bổ nhiệm Phó hiệu trưởng: Quyết định số 205/QĐ-UBND ngày 07/7/2025 về việc bổ nhiệm viên chức quản lý

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục;

+ Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục: Thực hiện giảng dạy, giáo dục theo chương trình GDPT 2018;

+ Nhiệm vụ và quyền hạn của nhà trường: Theo khoản 1 Điều 11 Điều lệ Trường Trung học cơ sở. Công khai mục tiêu, chương trình, kế hoạch giáo dục, điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục; tổ chức giảng dạy, học tập và hoạt động giáo dục đạt chất lượng đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo chương trình giáo dục phổ thông cấp trung học cơ sở do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Thực hiện giáo dục bắt buộc, phổ cập giáo dục và xóa mù chữ tại địa bàn. Huy động trẻ em đi học đúng độ tuổi, vận động và tạo điều kiện cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt đến trường. Nhận bảo trợ và quản lý các hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp trung học cơ sở theo sự phân công của cấp có thẩm quyền.

Xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển nhà trường theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo chương trình giáo dục phổ thông cấp trung học cơ sở. Triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp trung học cơ sở do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; thực hiện lựa chọn sách giáo khoa theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; triển khai thực hiện sách giáo khoa và nội dung giáo dục của địa phương theo quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố; thực hiện tự chủ chuyên môn trong tổ chức các hoạt động giáo dục tại trường trung học cơ sở. Thực hiện tự kiểm định chất lượng và đảm bảo chất lượng giáo dục theo quy định. Quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh. Quản lý và sử dụng đất, tài chính và tài sản của nhà trường theo quy định của pháp luật. Phối hợp chặt

chế với cha mẹ hoặc người giám hộ học sinh, các tổ chức và cá nhân trong cộng đồng thực hiện các hoạt động giáo dục. Tổ chức cho giáo viên, người lao động và học sinh tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương

Xây dựng môi trường văn hoá - giáo dục trong nhà trường, tham gia xây dựng môi trường văn hoá - giáo dục ở địa phương. Được tiếp nhận các khoản tài trợ, viện trợ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với nhà trường theo quy định của pháp luật. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

+ Cơ cấu tổ chức của trường: Thực hiện theo Điều 9 Điều lệ trường trung học cơ sở

Cơ cấu tổ chức trường trung học cơ sở học gồm: hội đồng trường; hiệu trưởng và phó hiệu trưởng; hội đồng thi đua khen thưởng; hội đồng kỉ luật; hội đồng tư vấn; tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam; tổ chức Công đoàn; tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; tổ chức Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh; các tổ chuyên môn; tổ văn phòng; lớp học.

đ) Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có);

e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục và lãnh đạo các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên của cơ sở giáo dục (nếu có)

- Hiệu trưởng:

+ Họ và tên: Trần Thị Thùy Trang

+ Địa chỉ làm việc: 52 Lê Hồng Phong, Phường Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

+ Điện thoại: 0236 3561984

+ Email: nhuconhucay@gmail.com

- Phó Hiệu trưởng

+ Họ và tên: Phạm Phú An Nhân

+ Địa chỉ làm việc: 52 Lê Hồng Phong, Phường Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

+ Điện thoại: 0935359959

+ Email: annhan3107@gmail.com

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục: Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác (nếu có)

- Kế hoạch Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục
- Quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục
- Quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo: 42 người

2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định là 100%.

3. Số lượng, tỷ lệ giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định: 42 người (100%).

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định:

Diện tích trường hiện nay là 2167,5 m²; Diện tích xây dựng: 852,15 m²; Diện tích sử dụng: 3553 m², trung bình khoảng 7m²/01 học sinh, chưa đủ so với yêu cầu tối thiểu theo quy định.

2. Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định

- Khối phòng hành chính quản trị: 04 phòng
- Khối phòng học tập: 12 phòng học
- Khối phòng hỗ trợ học tập: 01 phòng thư viện, 03 phòng bộ môn
- Khối phụ trợ: 01 phòng y tế
- Khu sân chơi, thể dục thể thao: 1315 m²
- Khối phục vụ sinh hoạt: 01 hội trường

- Hạ tầng kỹ thuật: đủ so với yêu cầu tối thiểu theo quy định

3. Số thiết bị dạy học hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định:

Nhà trường có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường. Hiện tại, trường có 10 máy tính cho bộ phận hành chính, 41 máy tính học sinh. Tất cả máy tính được kết nối Internet đảm bảo nhu cầu phục vụ công tác quản lý và phục vụ hoạt động giảng dạy, học tập. Nhà trường có các loại thiết bị giáo dục theo danh mục tối thiểu do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định. Mỗi giáo viên có một bộ thiết bị cần thiết trong quá trình giảng dạy, một bộ sách giáo khoa, tài liệu hướng dẫn giảng dạy và các tài liệu cần thiết khác. Mỗi học sinh có ít nhất một bộ sách giáo khoa, các đồ dùng học tập.

4. Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Danh mục sách giáo khoa thực hiện theo danh mục đã được cấp thẩm quyền phê duyệt.

+ Lớp 6: Quyết định số 1445/QĐ-UBND ngày 29/4/2021 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc phê duyệt Danh mục sách giáo khoa lớp 6 sử dụng trong cơ sở giáo dục trung học trên địa bàn thành phố Đà Nẵng từ năm học 2021-2022

TT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Thuộc bộ sách	Ghi chú
1	Toán 6 Tập một	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Nguyễn Huy Đoan (Chủ biên), Nguyễn Cao Cường, Trần Mạnh Cường, Doãn Minh Cường, Sĩ Đức Quang, Lưu Bá Thắng	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống	
	Toán 6 Tập hai	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Nguyễn Huy Đoan (Chủ biên), Nguyễn Cao Cường, Trần Mạnh Cường, Doãn Minh Cường, Sĩ Đức Quang, Lưu Bá Thắng	Giáo dục Việt Nam		
2	Ngữ văn 6 Tập một	Nguyễn Thị Hồng Nam (Chủ biên), Trần Lê Duy, Nguyễn Thị Ngọc Diệp, Nguyễn Thị Minh Ngọc, Nguyễn Thành Thi,	Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo	

		Nguyễn Thị Ngọc Thúy			
	Ngữ văn 6 Tập hai	Nguyễn Thị Hồng Nam (Chủ biên), Trần Lê Duy, Dương Thị Hồng Hiếu, Phan Mạnh Hùng, Nguyễn Thị Minh Ngọc, Trần Tiến Thành, Nguyễn Thành Thi, Nguyễn Thị Ngọc Thúy, Lê Quang Trường	Giáo dục Việt Nam		
3	Tiếng Anh 6 Tập một	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Chi (Chủ biên), Lê Kim Dung, Phan Chí Nghĩa, Vũ Mai Trang, Lương Quỳnh Trang	Giáo dục Việt Nam		
	Tiếng Anh 6 Tập hai	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Chi (Chủ biên), Lê Kim Dung, Phan Chí Nghĩa, Vũ Mai Trang, Lương Quỳnh Trang, Nguyễn Quốc Tuấn	Giáo dục Việt Nam		
4	Giáo dục công dân 6	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thị Mai Phương (Chủ biên), Nguyễn Hà An, Nguyễn Thị Hoàng Anh, Phạm Thị Kim Dung, Nguyễn Thị Thọ	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống	
5	Khoa học tự nhiên 6	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Đinh Đoàn Long, Lê Kim Long, Bùi Gia Thịnh (đồng Chủ biên), Nguyễn Hữu Chung, Nguyễn Thu Hà, Bùi Thị Việt Hà, Nguyễn Đức Hiệp, Trần Thị Thanh Huyền, Lê Trọng Huyền, Vũ Trọng Rỹ, Nguyễn Văn Vịnh	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống	
6	Lịch sử và Địa lí 6	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên), Nghiêm Đình Vỹ, Đào Ngọc Hùng (đồng Tổng Chủ biên), Đinh Ngọc Bảo, Đào Ngọc Hùng (đồng Chủ biên), Vũ Thị Hằng, Phan Ngọc Huyền, Phạm Thị Thanh Hiền, Lê Huỳnh, Trần Thị Hồng	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống	

		Mai, Hoàng Anh Tuấn, Phí Công Việt			
7	Tin học 6	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hà Đăng Cao Tùng (Chủ biên), Đinh Thị Hạnh Mai, Hoàng Thị Mai.	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống	
8	Công nghệ 6	Bùi Văn Hồng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Cẩm Vân (Chủ biên), Trần Văn Sỹ	Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo	
9	Âm nhạc 6	Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính (đồng Tổng Chủ biên), Vũ Mai Lan (Chủ biên), Bùi Minh Hoa, Trần Bảo Lân, Trịnh Thị Oanh, Cao Sỹ Anh Tùng, Nguyễn Thị Thanh Vân	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống	
10	Mĩ thuật 6	Nguyễn Thị Nhung, Nguyễn Xuân Tiên (đồng Tổng Chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường, Nguyễn Hồng Ngọc (đồng Chủ biên), Quách Thị Ngọc An, Nguyễn Dương Hải Đăng, Nguyễn Đức Giang, Phạm Ngọc Mai, Trần Đoàn Thanh Ngọc, Đàm Thị Hải Uyên, Trần Thị Vân	Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo	
11	Giáo dục thể chất 6	Lưu Quang Hiệp (Tổng Chủ biên), Đinh Quang Ngọc (Chủ biên), Đinh Khánh Thu, Mai Thị Bích Ngọc, Nguyễn Văn Thành	Đại học Sư phạm	Cánh diều	
12	Hoạt động trải nghiệm, Hướng nghiệp 6	Đinh Thị Kim Thoa, Vũ Quang Tuyên (đồng Tổng Chủ biên), Vũ Đình Bảy, Trần Thị Quỳnh Trang (đồng Chủ biên), Trần Minh Hường, Nguyễn Thị Bích Liên, Vũ Phương Liên, Trần Bảo Ngọc, Lại Thị Yên Ngọc, Vũ Thanh Thủy, Phạm Đình Văn	Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo	

+ Lớp 7: Quyết định số 1586/QĐ-UBND ngày 13/6/2022 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc phê duyệt Danh mục sách giáo khoa lớp 7 sử dụng trong cơ sở giáo dục trung học trên địa bàn thành phố Đà Nẵng từ năm học 2022-2023

TT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Thuộc bộ sách	Ghi chú
1	Toán 7, Tập một	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Nguyễn Huy Doan (Chủ biên), Cung Thế Anh, Nguyễn Cao Cường, Trần Mạnh Cường, Doãn Minh Cường, Trần Phương Dung, Sĩ Đức Quang, Lưu Bá Thắng, Đặng Hùng Thắng.	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống	
	Toán 7, Tập hai	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Nguyễn Huy Doan (Chủ biên), Cung Thế Anh, Nguyễn Cao Cường, Trần Mạnh Cường, Doãn Minh Cường, Trần Phương Dung, Sĩ Đức Quang, Lưu Bá Thắng, Đặng Hùng Thắng.	Giáo dục Việt Nam		
2	Ngữ văn 7, Tập một	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Phan Huy Dũng, Nguyễn Thị Ngân Hoa (đồng Chủ biên), Nguyễn Thị Mai Liên, Lê Trà My, Lê Thị Minh Nguyệt, Nguyễn Thị Nương, Nguyễn Thị Hải Phương.	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống	
	Ngữ văn 7, Tập hai	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Phan Huy Dũng, Nguyễn Thị Ngân Hoa (đồng chủ biên), Dương Tuấn Anh, Nguyễn Linh Chi, Đặng Lưu.	Giáo dục Việt Nam		
3	Tiếng Anh 7 Global Success	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Chi (Chủ biên), Lê Kim Dung, Nguyễn Thụy Phương Lan, Phan Chí Nghĩa, Lương Quỳnh Trang, Nguyễn Quốc	Giáo dục Việt Nam		

		Tuấn.			
4	Khoa học tự nhiên 7	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Mai Văn Hưng, Lê Kim Long, Bùi Gia Thịnh (đồng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Chi, Ngô Tuấn Cường, Trần Thị Thanh Huyền, Nguyễn Thị Bích Ngọc, Phạm Thị Phú, Vũ Trọng Rỹ, Mai Thị Tình, Vũ Thị Minh Tuyền.	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống	
5	Lịch sử và Địa lí 7	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên xuyên suốt phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỳ (Tổng Chủ biên cấp THCS phần Lịch sử), Nguyễn Thị Côi, Vũ Văn Quân (đồng Chủ biên phần Lịch sử), Phạm Đức Anh, Phạm Thị Thanh Huyền, Đặng Hồng Sơn, Đào Ngọc Hùng (Tổng chủ biên phần Địa lí), Nguyễn Đình Giang, Phạm Thị Thu Phương (đồng chủ biên phần Địa lí), Nguyễn Thị Thu Hiền, Đặng Thị Huệ, Phí Công Việt.	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống	
6	Giáo dục công dân 7	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thị Mai Phương (Chủ biên), Nguyễn Hà An, Nguyễn Thị Hoàng Anh, Phạm Thị Kim Dung, Nguyễn Thị Thọ.	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống	
7	Âm nhạc 7	Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính (đồng Tổng Chủ biên), Vũ Mai Lan (Chủ biên), Bùi Minh Hoa, Lê Thị Tuyết, Nguyễn Thị Thanh Vân.	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống	
8	Mĩ thuật 7	Nguyễn Thị Nhung (Tổng Chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường, Nguyễn Hồng Ngọc (đồng Chủ biên), Nguyễn Đức Giang, Võ Thị Nguyên, Đàm Thị Hải Uyên, Trần	Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo 1	

		Thị Vân.			
9	Tin học 7	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hà Đặng Cao Tùng (Chủ biên), Phan Anh, Bùi Việt Hà, Đinh Thị Hạnh Mai, Hoàng Thị Mai.	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống	
10	Công nghệ 7	Bùi Thị Hồng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Cẩm Vân (Chủ biên), Nguyễn Thị Hồng Chiêm, Nguyễn Tiến Lực, Quách Văn Thiêm, Nguyễn Thị Thúy.	Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo	
11	Giáo dục thể chất 7	Lưu Quang Hiệp (Tổng Chủ biên), Bùi Ngọc (Chủ biên), Nguyễn Ngọc Tuấn, Nguyễn Xuân Trãi, Đặng Thị Thu Thủy.	Đại học Sư phạm	Cánh diều	
12	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 7	Đinh Thị Kim Thoa, Vũ Quang Tuyên (đồng Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Bích Liên (Chủ biên), Nguyễn Hồng Kiên, Trần Bảo Ngọc, Trần Thị Quỳnh Trang, Phạm Đình Văn.	Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo 1	

+ Lớp 8: Quyết định số 4606/QĐ-BGDĐT ngày 28/12/2022 của Bộ Giáo dục và đào tạo phê duyệt sách giáo khoa lớp 8 sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông; Quyết định số 715/QĐ-BGDĐT ngày 13/3/2023 của Bộ Giáo dục và đào tạo phê duyệt bổ sung sách giáo khoa lớp 8 sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông. Trường THCS Sào Nam thông báo danh mục sách giáo khoa lớp 8 bắt đầu từ năm học 2024-2025

TT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Thuộc bộ sách	Ghi chú
1	Ngữ văn 8, tập một	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Ngân Hoa, Đặng Lưu (đồng Chủ biên), Dương Tuấn Anh, Lê Trà My, Nguyễn Thị Nương, Nguyễn Thị Hải Phương.	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống	
	Ngữ văn 8, tập hai	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Ngân Hoa,	Giáo dục Việt Nam		

		Đặng Lưu (đồng Chủ biên), Phan Huy Dũng, Nguyễn Thị Mai Liên, Lê Thị Minh Nguyệt, Nguyễn Thị Minh Thương.			
2	Toán 8, Tập một	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Cung Thế Anh, Nguyễn Huy Đoan (đồng Chủ biên), Nguyễn Cao Cường, Trần Mạnh Cường, Doãn Minh Cường, Trần Phương Dung, Sĩ Đức Quang, Lưu Bá Thắng, Đặng Hùng Thắng.	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống	
	Toán 8, Tập hai	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Cung Thế Anh, Nguyễn Huy Đoan (đồng Chủ biên), Nguyễn Cao Cường, Trần Mạnh Cường, Doãn Minh Cường, Trần Phương Dung, Sĩ Đức Quang, Lưu Bá Thắng, Đặng Hùng Thắng.	Giáo dục Việt Nam		
3	Tiếng Anh 8 Global Success	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Lương Quỳnh Trang (Chủ biên), Nguyễn Thị Chi, Lê Kim Dung, Phan Chí Nghĩa, Nguyễn Thụy Phương Lan, Trần Thị Hiếu Thủy.	Giáo dục Việt Nam		
4	Khoa học tự nhiên 8	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Mai Văn Hưng, Lê Kim Long, Vũ Trọng Rỹ (đồng Chủ biên), Nguyễn Văn Biên, Nguyễn Hữu Chung, Nguyễn Thu Hà, Lê Trọng Huyền, Nguyễn Thế Hưng, Nguyễn Xuân Thành, Bùi Gia Thịnh, Nguyễn Thị Thuần, Mai Thị Tình, Vũ Thị Minh Tuyền, Nguyễn Văn Vịnh.	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống	
5	Lịch sử và	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên	Giáo dục	Kết nối	

	Địa lí 8	xuyên suốt phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỹ (Tổng Chủ biên cấp THCS phần Lịch sử), Trịnh Đình Tùng (Chủ biên phần Lịch sử), Nguyễn Ngọc Cơ, Đào Tuấn Thành, Hoàng Thanh Tú; Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên phần Địa lí), Bùi Thị Thanh Dung, Phạm Thị Thu Phương, Phí Công Việt.	Việt Nam	tri thức với cuộc sống	
6	Giáo dục công dân 8	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thị Mai Phương (Chủ biên), Nguyễn Hà An, Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Thị Thọ.	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống	
7	Âm nhạc 8	Hoàng Long (Tổng Chủ biên), Vũ Mai Lan (Chủ biên), Bùi Minh Hoa, Trần Bảo Lâm, Đặng Khánh Nhật, Nguyễn Thị Thanh Vân.	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống	
8	Mĩ thuật 8	Nguyễn Thị Nhung (Tổng Chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường (Chủ biên), Nguyễn Dương Hải Đăng, Đỗ Thị Kiều Hạnh, Nguyễn Đức Sơn, Đàm Thị Hải Uyên, Trần Thị Vân.	Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo bản 1	
9	Tin học 8	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hà Đặng Cao Tùng (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Hải Châu, Hoàng Thị Mai, Nguyễn Thị Hoài Nam.	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống	
10	Công nghệ 8	Bùi Văn Hồng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Cẩm Vân (Chủ biên), Nguyễn Thị Lương, Nguyễn Thị Thúy, Trương Minh Trí, Phạm Huy Tuấn.	Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo	

11	Giáo dục thể chất 8	Đinh Quang Ngọc (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Đặng Hoài An, Đinh Thị Mai Anh, Mai Thị Bích Ngọc, Nguyễn Văn Thành, Đinh Khánh Thu.	Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam (VEPIC) (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Sư phạm)	Cánh diều	
12	Hoạt động Trải nghiệm, hướng nghiệp 8	Đinh Thị Kim Thoa (Tổng Chủ biên), Lại Thị Yến Ngọc (Chủ biên), Nguyễn Hồng Kiên, Nguyễn Thị Bích Liên, Trần Thị Quỳnh Trang, Phạm Đình Văn.	Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo 1	

+ Lớp 9: Quyết định số 1054/QĐ-UBND ngày 23/5/2024 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc phê duyệt Danh mục sách giáo khoa lớp 9 sử dụng trong các cơ sở giáo dục có cấp trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Đà Nẵng từ năm học 2024-2025

TT	Tên sách	Tên tác giả	Tổ chức	Thuộc bộ sách
1	Toán 9, Tập 1	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Cung Thế Anh, Nguyễn Huy Đoan (đồng Chủ biên), Nguyễn Cao Cường, Trần Mạnh Cường, Doãn Minh Cường, Trần Phương Dung, Sĩ Đức Quang, Lưu Bá Thắng, Đặng Hùng Thắng.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
	Toán 9, Tập 2	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Cung Thế Anh, Nguyễn Huy Đoan (đồng Chủ biên), Nguyễn Cao Cường, Trần Mạnh Cường, Doãn Minh Cường, Trần Phương Dung, Sĩ Đức Quang, Lưu Bá Thắng, Đặng Hùng Thắng.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
2	Ngữ văn 9, Tập 1	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Ngân Hoa, Đặng Lưu (đồng Chủ biên),	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống

		Dương Tuấn Anh, Lê Trà My, Nguyễn Thị Nương, Nguyễn Thị Hải Phương, Nguyễn Thị Minh Thương.		
	Ngữ văn 9, Tập 2	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Ngân Hoa, Đặng Lưu (đồng Chủ biên), Phan Huy Dũng, Nguyễn Thị Mai Liên, Lê Minh Nguyệt.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
3	Tiếng Anh 9 Global Success	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Lương Quỳnh Trang (Chủ biên), Nguyễn Thị Chi, Lê Kim Dung, Nguyễn Thụy Phương Lan, Phan Chí Nghĩa, Trần Thị Hiếu Thủy	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
4	Khoa học tự nhiên 9	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Văn Biên, Lê Trọng Huyền, Đinh Đoàn Long (đồng Chủ biên), Nguyễn Thu Hà, Tưởng Duy Hải, Nguyễn Thanh Hưng, Trần Văn Kiên, Đường Khánh Linh, Nguyễn Thị Hằng Nga, Vũ Công Nghĩa, Vũ Trọng Rỹ, Nguyễn Thị Thuần.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
5	Lịch sử và Địa lí 9	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên xuyên suốt phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỳ (Tổng Chủ biên cấp THCS phần Lịch sử), Nguyễn Ngọc Cơ, Trịnh Đình Tùng (đồng Chủ biên phần Lịch sử), Hoàng Hải Hà, Nguyễn Thị Huyền Sâm, Hoàng Thanh Tú; Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên phần Địa lí), Nguyễn Trọng Đức, Lê Văn Hà, Nguyễn Tú Linh, Phạm Thị Trâm.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
6	Công nghệ 9 - Định hướng nghề nghiệp	Bùi Văn Hồng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Cẩm Vân (Chủ biên), Nguyễn Thị Lương, Phan Nguyễn Trúc Phương, Đào Văn Phụng, Nguyễn Phước Sơn, Nguyễn Thị Thúy.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo

	Công nghệ 9 - Mô đun Lắp đặt mạng điện trong nhà	Bùi Văn Hồng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Cẩm Vân (Chủ biên), Nguyễn Thị Lương, Phan Nguyễn Trúc Phương, Đào Văn Phượng, Nguyễn Phước Sơn, Nguyễn Thị Thúy.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo
	Công nghệ 9 - Mô đun Cắt may	Bùi Văn Hồng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Cẩm Vân (Chủ biên), Nguyễn Thị Lương, Phan Nguyễn Trúc Phương, Đào Văn Phượng, Nguyễn Phước Sơn, Nguyễn Thị Thúy.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo
	Công nghệ 9 - Mô đun Nông nghiệp 4.0.	Bùi Văn Hồng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Cẩm Vân (Chủ biên), Nguyễn Thị Lương, Phan Nguyễn Trúc Phương, Đào Văn Phượng, Nguyễn Phước Sơn, Nguyễn Thị Thúy.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo
7	Tin học 9	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hà Đặng Cao Tùng (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Hải Châu, Hoàng Thị Mai.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
8	Giáo dục thể chất 9	Đinh Quang Ngọc (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Đặng Hoài An, Đinh Thị Mai Anh, Mai Thị Bích Ngọc, Nguyễn Văn Thành, Đinh Khánh Thu.	Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam (VEPIC). (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Sư phạm)	Cánh diều
9	Giáo dục công dân 9	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thị Mai Phương (Chủ biên), Nguyễn Hà An, Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Thị Thọ.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
10	Âm nhạc 9	Hoàng Long (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Bùi Minh Hoa, Vũ Mai Lan, Trần Bảo Lân, Đặng Khánh Nhật, Nguyễn Thị Thanh Vân.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống

11	Mĩ thuật 9	Nguyễn Thị Nhung (Tổng Chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường (Chủ biên), Nguyễn Dương Hải Đăng, Đỗ Thị Kiều Hạnh, Nguyễn Đức Sơn, Đàm Thị Hải Uyên, Trần Thị Vân.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo bản 1
12	Hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp 9	Đinh Thị Kim Thoa (Tổng chủ biên), Nguyễn Hồng Kiên (Chủ biên), Nguyễn Thị Bích Liên, Lại Thị Yên Ngọc, Trần Thị Quỳnh Trang, Phạm Đình Văn.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo bản 1

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

- Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá: Cấp độ 1 theo Quyết định số 227/QĐ-SGDĐT ngày 08/3/2024.
- Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm: nhà trường được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 1 kể từ ngày 08/3/2024. Thời hạn công nhận là 05 năm.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

- Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước (2024-2025):
 - Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 01 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường:

Khối	Tổng số lớp	Tổng số học sinh	Tỉ lệ HS/ lớp	Nữ	Dân tộc		HS học 1 buổi/ ngày	HS KT hòa nhập	HS chuyển đi	HS chuyển đến
					Kinh	Hán				
Sáu	3	120	34	57	118	2	120	1	0	1
Bảy	4	139	34,7	63	131	8	136	2	0	0
Tám	5	156	31,2	81	147	9	159	2	1	1
Chín	3	106	35,3	53	103	3	106	0	0	0
Tổng	15	521	34,7	254	499	22	521	5	0	2

- Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp;
 - Thống kê kết quả đánh giá học sinh

TT	Khối	Sĩ số	Đánh giá giáo dục
----	------	-------	-------------------

			Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
1	Sáu	120	44,17%	35%	19,17%	1,67%
2	Bảy	139	32,37%	41,01%	25,90%	0,72%
3	Tám	156	33,33%	41,03%	22,44%	3,21%
4	Chín	106	33,96%	37,74%	28,30%	0

- Thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp

TT	Khối	Tổng số học sinh	Lên lớp		Lưu ban	
			Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ
1	Sáu	120	120	100%	0	0
2	Bảy	139	139	100%	0	0
3	Tám	156	156	100%	0	0
4	Chín	106	106	100%	0	0
Tổng số		521	521	100%	0	0

c) Số lượng học sinh được cấp bằng tốt nghiệp; số lượng học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với cấp trung học cơ sở.

- Số lượng học sinh được cấp bằng tốt nghiệp: 106

- Số lượng học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục: 89

2. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm nội dung: số lượng học

sinh đang học (chia theo số lượng học sinh là người Việt Nam, số lượng học sinh là người nước ngoài): Không có

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi

hoạt động như sau:

a) Các khoản thu phân theo: Nguồn kinh phí (ngân sách nhà nước, hỗ trợ của nhà đầu tư; học phí, lệ phí và các khoản thu khác từ người học; kinh phí tài trợ và hợp đồng với bên ngoài; nguồn thu khác) và loại hoạt động (giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ; hoạt động khác)

- Ngân sách nhà nước năm 2024: 7.960.049.476đ

b) Các khoản chi phân theo: Chi tiền lương và thu nhập (lương, phụ cấp, lương tăng thêm và các khoản chi khác có tính chất như lương cho giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên,...); chi cơ sở vật chất và dịch vụ (chi mua

sắm, duy tu sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuê mướn các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, phát triển đội ngũ,...); chi hỗ trợ người học (học bổng, trợ cấp, hỗ trợ sinh hoạt, hoạt động phong trào, thi đua, khen thưởng,...); chi khác.

- Ngân sách nhà nước năm 2024:

+ Chi lương, phụ cấp và thu nhập : 6.892.490.949đ

+ Chi cơ sở vật chất và dịch vụ : 1.067.558.527đ

3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học.

- Trợ cấp học sinh có sổ hộ nghèo, con mồ côi, chi phí hỗ trợ học sinh: 14.850.000đ

4. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù tính đến thời điểm 31/12/2024

- Tiền gửi vãng lai tại kho bạc : 35.258.653đ

- Tiền gửi TL Quỹ tại kho bạc : 1.771.241đ

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Công tác chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp trung học cơ sở

Năm học 2024-2025, Trường Trung học cơ sở Sào Nam thực hiện Kế hoạch số 516/PGDDĐT-THCS ngày 28/8/2024 của Phòng GDĐT quận Hải Châu về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2024-2025 và Kế hoạch số 134/KH-THCSSN ngày 18/9/2024 của Trường THCS Sào Nam về việc thực hiện nhiệm vụ năm học 2024-2025, phù hợp với điều kiện thực tế tại nhà trường; Thực hiện hiệu quả công tác đảm bảo an toàn trường học, phòng chống dịch bệnh.

2. Việc thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục

2.1. Đảm bảo việc triển khai thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục

- Triển khai việc thực hiện kế hoạch giáo dục, kế hoạch dạy học môn học, kế hoạch bồi dưỡng đến toàn thể giáo viên trường; chỉ đạo tổ chuyên môn thực hiện Kế hoạch dạy học các môn học và hoạt động giáo dục.

- 100% tổ chuyên môn xây dựng, triển khai kế hoạch giáo dục, kế hoạch

dạy học môn học.

- 100% giáo viên xây dựng kế hoạch dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

- Thực hiện theo tinh thần Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GDĐT về việc ban hành CTGDPT 2018.

- Tổ chức triển khai Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ GDĐT Quy định về đánh giá học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông.

- + Thông tư số 25/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 8 năm 2020 của Bộ GD&ĐT về việc quy định việc lựa chọn SGK trong cơ sở GDPT;

- + Quyết định số 4606/QĐ-BGDĐT ngày 28/12/2022 của Bộ Giáo dục và đào tạo phê duyệt sách giáo khoa lớp 8 sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông; Quyết định số 715/QĐ-BGDĐT ngày 13/3/2023 của Bộ Giáo dục và đào tạo phê duyệt bổ sung sách giáo khoa lớp 8 sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông.

- 100% giáo viên được tham gia tập huấn chuyên môn, tập huấn lựa chọn SGK. Kết quả có 15/15 lớp 6, 7, 8, 9 (100%) học sinh được học tập và tham gia các hoạt động giáo dục, đảm bảo chất lượng, hiệu quả theo yêu cầu nội dung chương trình.

2.2. Tổ chức dạy học môn Tiếng Anh, Tin học theo Chương trình GDPT 2018.

a) Đối với môn Tiếng Anh

- Trường có 04 giáo viên dạy môn Tiếng Anh, trình độ Đại học

- Trường thực hiện dạy Tiếng Anh cho tất cả các lớp học 1 buổi/ ngày (15/15 lớp).

b) Đối với môn Tin học và việc tổ chức hoạt động giáo dục tin học

- Trường có 01 giáo viên chuyên môn Tin học, có 01 phòng máy với 41 máy vi tính.

- Thời lượng: Học sinh lớp 6, 7, 8 học Tin học 1 tiết/tuần; lớp 9 học Tin học 2 tiết/tuần (dạy tự chọn).

3. Công tác triển khai giáo dục STEM, chuyển đổi số, thí điểm triển khai Học bạ số

a) Đối với giáo dục STEM: Nhà trường đẩy mạnh triển khai giáo dục

STEM theo hướng dẫn tại Công văn số 3089/BGDĐT-GDTrH ngày 14/8/2020 của Bộ GDĐT và Công văn số 2492/SGDĐT-GDTrH ngày 23/9/2020 của Sở GDĐT về việc hướng dẫn triển khai thực hiện giáo dục STEM trong giáo dục trung học từ năm học 2020-2021, bảo đảm chất lượng, hiệu quả khi triển khai thực hiện, tránh hình thức, quá tải đối với giáo viên và học sinh. Không giao chỉ tiêu, không lấy thành tích triển khai giáo dục STEM làm tiêu chí để xét thi đua.

b) Đối với việc triển khai chuyển đổi số, giáo dục kỹ năng công dân số

Thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết, điều hành công việc. Ứng dụng các thành tựu của công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý, chỉ đạo, đặc biệt là nâng cao hiệu quả việc sử dụng hộp thư trường. Đẩy mạnh hoạt động, cập nhật thông tin kịp thời, đa dạng, phong phú về nội dung và hình thức thông tin trên hộp thư trường và các hộp thư cá nhân.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức của viên chức, người lao động về chính quyền số, chuyển đổi số.

- Phát huy vai trò của lãnh đạo nhà trường, công đoàn, đoàn thanh niên trong việc hỗ trợ viên chức, người lao động thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số.

- Thúc đẩy phát triển chuyển đổi số trong cơ sở giáo dục; Đẩy mạnh công tác sử dụng dịch vụ công trực tuyến; Tăng cường ứng dụng chữ ký số.

- Khai thác hiệu quả các hệ thống thông tin quản lý, các cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ tốt công tác quản lý của đơn vị. Giáo viên thực hiện các nội dung quản lý, đánh giá học sinh trên CSDL; báo cáo kết quả hoạt động giảng dạy, giáo dục trên hệ thống cơ sở dữ liệu; tham gia sinh hoạt, hội họp qua Google Meet... khi cần thiết.

- Thực hiện các dịch vụ công phục vụ học sinh, phụ huynh học sinh như khoản thu không sử dụng tiền mặt, sử dụng hóa đơn điện tử.

c) Đối với việc triển khai thí điểm triển khai Học bạ số: Đã thực hiện học bạ số cho 100% giáo viên.

4. Tổ chức dạy học nội dung giáo dục địa phương theo Chương trình GDPT 2018

Nhà trường đã tổ chức triển khai thực hiện nội dung giáo dục địa phương, gồm những vấn đề cơ bản, mang tính thời sự về văn hóa, lịch sử, địa lí, kinh tế, xã hội, môi trường, hướng nghiệp của địa phương nhằm trang bị cho học sinh những hiểu biết về nơi sinh sống, bồi dưỡng cho học sinh tình yêu quê hương, có trách nhiệm với cộng đồng, biết trân quý và phát huy văn hóa truyền thống

quê hương, phát triển năng lực và phẩm chất, ý thức tìm hiểu và vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề thực tiễn của địa phương. Các nội dung giáo dục địa phương thực hiện theo tài liệu hướng dẫn và được tích hợp với hoạt động trải nghiệm của trường;

Kết quả có 15/15 lớp (100%) được tổ chức tham gia học tập các nội dung giáo dục địa phương, tạo điều kiện để các em được tìm hiểu, trải nghiệm về bản sắc văn hóa và truyền thống địa phương mình, nơi gần gũi với các em.

Ngoài các hoạt động dạy học lịch sử địa phương tại lớp học, nhà trường tổ chức cho học sinh tham gia các hoạt động theo đúng văn bản chỉ đạo.

5. Thực hiện công tác lựa chọn sách giáo khoa lớp 9

Căn cứ Thông tư số 27/2023/TT-BGDĐT ngày 28/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định việc lựa chọn sách giáo khoa (SGK) trong cơ sở giáo dục phổ thông (GDPT); Quyết định số 4338/QĐ-BGDĐT ngày 18/12/2023 của Bộ trưởng Bộ GDĐT Phê duyệt danh mục SGK lớp 9 sử dụng trong cơ sở GDPT; Quyết định số 421/QĐ-BGDĐT ngày 29/01/2024 của Bộ trưởng Bộ GDĐT Phê duyệt bổ sung SGK lớp 9 sử dụng trong cơ sở GDPT; Quyết định số 435/QĐ-UBND ngày 05/3/2024 của UBND thành phố Đà Nẵng Ban hành Bộ Tiêu chí lựa chọn SGK phù hợp với cơ sở GDPT trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Công văn số 646/SGDĐT-GDTH ngày 07/3/2024 của Sở GDĐT về việc hướng dẫn lựa chọn SGK trong cơ sở GDPT theo Thông tư số 27/2023/TT-BGDĐT

Thực hiện Công văn số 139/PGDĐT-THCS ngày 08/3/2024 của Phòng GDĐT quận Hải Châu về việc hướng dẫn chọn lựa sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục phổ thông theo Thông tư số 27/2023/TT-BGDĐT;

Căn cứ Quyết định số 10/QĐ-THCSSN ngày 08/3/2024 của Trường THCS Sào Nam về việc thành lập Hội đồng lựa chọn sách giáo khoa lớp 9 từ năm học 2024-2025 theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018;

- Hội đồng tổ chức chọn SGK theo nguyên tắc tập trung dân chủ, khách quan, công khai, minh bạch, đúng pháp luật và vì quyền lợi của học sinh.

- Tổ chuyên môn chọn được SGK phù hợp với đặc điểm kinh tế - xã hội của địa phương, phù hợp với điều kiện tổ chức dạy học của nhà trường.

- SGK phù hợp các tiêu chí lựa chọn SGK trong cơ sở giáo dục phổ thông

theo Quyết định số 1054/QĐ-UBND ngày 23/5/2024 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc phê duyệt Danh mục sách giáo khoa lớp 9 sử dụng trong các cơ sở giáo dục có cấp trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Đà Nẵng từ năm học 2024-2025

- Lựa chọn 01 (một) SGK phù hợp cho mỗi môn học, hoạt động giáo dục để thực hiện kế hoạch giảng dạy năm học 2024-2025.

6. Nâng cao hiệu quả việc đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và phương pháp, hình thức đánh giá

a) Thực hiện linh hoạt các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học

- Giáo viên tích cực thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, tích cực ứng dụng công nghệ thông tin, quan tâm phát hiện và biết bồi dưỡng những học sinh có năng khiếu, đồng thời có kế hoạch và biện pháp phụ đạo các học sinh còn hạn chế về học tập.

- 100% giáo viên thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học.

- Trường đã đạt 02 GV chủ nhiệm lớp giỏi cấp thành phố.

- Các tổ chuyên môn xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch dạy học các môn học và hoạt động giáo dục; Giáo viên khối lớp 6, 7, 8 thực hiện soạn bài theo hướng dẫn của SGD và PGD.

- Nhà trường đẩy mạnh việc thực hiện quyền tự chủ của giáo viên trong lựa chọn các chủ đề, rà soát nội dung các bài học trong sách giáo khoa hiện hành tương ứng để sắp xếp lại thành một số bài học tích hợp của từng môn học hoặc liên môn; xây dựng kế hoạch giáo dục cho từng môn học, hoạt động giáo dục theo định hướng phát triển năng lực, phẩm chất học sinh phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường.

- Tổ chức sinh hoạt chuyên môn định kỳ, kết hợp sinh hoạt chuyên môn theo chủ đề và sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học. Nội dung sinh hoạt tổ chuyên môn tập trung giải quyết các vấn đề: Dạy học phát triển năng lực; nghiên cứu bài học; dự giờ, thăm lớp, rút kinh nghiệm trong tổ; triển khai các nội dung chuyên môn mới; theo dõi ghi nhận sự tiến bộ của học sinh, đưa ra các biện pháp giúp đỡ học sinh còn hạn chế về học tập; đề xuất các biện pháp rèn phẩm chất, năng lực học sinh; tổ chức các chuyên đề đi sâu đổi mới phương pháp dạy học, các kỹ thuật dạy học.

- Phối hợp nhiều phương pháp dạy học nhằm phát huy năng lực học tập

của học sinh.

b) Nâng cao hiệu quả các phương pháp và hình thức đánh giá

- Tuyên truyền các văn bản hướng dẫn việc đánh giá học sinh cho giáo viên và cha mẹ học sinh.

- Thực hiện đánh giá theo hướng động viên, khuyến khích, ghi nhận sự tiến bộ hằng ngày của từng học sinh, giúp học sinh cảm thấy tự tin và vui thích với các hoạt động học tập, không so sánh học sinh này với học sinh khác; đồng thời giúp giáo viên hiểu rõ mục đích của việc đánh giá thường xuyên bằng nhận xét là: chủ yếu nhận xét, hướng dẫn trực tiếp để hỗ trợ học sinh vượt qua khó khăn trong các giờ học và hoạt động giáo dục. Thực hiện đánh giá học sinh trên phần mềm CSDL và Vnedu của VNPT nhằm giảm nhẹ sức lao động của giáo viên.

- Tổ chức xây dựng đề kiểm tra định kì phù hợp với yêu cầu chuẩn kiến thức kĩ năng, nội dung dạy học ở từng giai đoạn học tập của học sinh. Bài kiểm tra kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận, nội dung bài kiểm tra kết hợp giữa kiến thức đã học trong nhà trường và những nội dung vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn cuộc sống; theo các mức độ yêu cầu: nhận biết, thông hiểu, vận dụng, vận dụng cao.

- Đảm bảo trong các hoạt động dạy môn học và hoạt động giáo dục đều được đánh giá.

7. Thực hiện giáo dục đối với trẻ khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, trẻ khuyết tật

Trường hiện có 05 trẻ khuyết tật học hòa nhập (01 học sinh lớp 6; 02 học sinh lớp 7; 02 học sinh lớp 8), được thực hiện giảng dạy, giáo dục theo kế hoạch.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(ký tên, đóng dấu)

Trần Thị Thùy Trang